



**CÔNG TY
CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PÔK**

Số K/L: BC-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cumgar, ngày 03 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính thưa: Đại hội và toàn thể quý cổ đông.

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ công ty;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty TNHH kiểm toán thẩm định giá & tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam kiểm toán.

Ban kiểm soát báo cáo trước đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 kết quả hoạt động của ban kiểm soát như sau:

I. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Cơ cấu tổ chức của ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần cà phê Ea pôk được bầu tại Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 20/11/2018 và bầu lại trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tổ chức vào ngày 20/04/2023 gồm 03 thành viên:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------------|
| - Bà: Trần Thị Bích Ngọc. | Trưởng ban kiểm soát chuyên trách |
| - Bà: Phùng Thị Diễm | Thành viên. |
| - Bà: Nguyễn Thị Thúy. | Thành viên |

2. Một số hoạt động của ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo hoạt động phù hợp với điều lệ Công ty, quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.
- Giám sát việc tuân thủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, việc chấp hành Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế, quy định, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2024; Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Tham gia ý kiến với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thông qua việc tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị và các cuộc họp với Ban Giám đốc;



- Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc. Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động tài chính Công ty. Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty.

- Trong năm 2024, ban kiểm soát chưa phát hiện vấn đề bất thường nào trong các hoạt động SXKD của Công ty.

- Các quy trình hoạt động của ban điều hành đã thực hiện trên cơ sở tuân thủ theo luật doanh nghiệp, tuân thủ các yêu cầu của hệ thống quản trị; báo cáo tài chính do ban giám đốc cung cấp một cách trung thực, hợp lý, ban kiểm soát đồng ý cơ bản với các đánh giá về hoạt động tài chính trong công ty.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc về tình hình SXKD năm 2024,

4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, ban giám đốc và các cán bộ quản lý:

- Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc đã bám sát chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động trong Công ty, với tinh thần làm việc đoàn kết, tập trung, dân chủ;

- Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất đúng quy định Điều lệ Công ty. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc đã đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2025. Quán triệt chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị, xây dựng các kế hoạch chi tiết, rà soát để giảm các chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

Qua xem xét các Nghị quyết và Biên bản họp của HĐQT, Ban giám đốc. Ban kiểm soát nhận thấy các nội dung tại Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban giám đốc đều được thông qua tại phiên họp và được thống nhất ý kiến của tất cả các thành viên tham dự, phản ánh định hướng, chiến lược, giải pháp, hướng tới lợi ích chung, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty, theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc là những thành viên có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và cổ đông.

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty được thực hiện chặt chẽ, bám sát các Nghị quyết của

Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát được cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết trong quá trình giám sát hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc; Các kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát đều được Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc xem xét, chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện;

- Ban kiểm soát đã được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc. Tại cuộc họp Ban kiểm soát đã có nhiều ý kiến đóng góp cho công tác quản trị và điều hành Công ty. Việc cung cấp và trao đổi thông tin giữa Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc được liên tục và các vấn đề phát sinh, được giải quyết kịp thời;

- Công ty thực hiện việc công bố thông tin minh bạch kịp thời đúng quy định.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

1. Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) đúng quy định. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị đáp ứng kịp thời, với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Hội đồng Quản trị thực hiện Giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Phối hợp với Ban điều hành đã chỉ đạo điều hành toàn diện mọi hoạt động công ty, đúng với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

2. Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý:

- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị; Thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác, đúng Điều lệ công ty và pháp luật quy định.

- Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh: Do thời tiết khắc nghiệt sâu bệnh phát triển mạnh ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, nhưng với quyết tâm đồng lòng của Ban Giám đốc cùng trưởng, phó các phòng ban, đơn vị đã có nhiều cố gắng, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và nỗ lực chỉ đạo quyết liệt khắc phục những khó khăn diễn ra trong năm 2024.

- Công tác tài chính: Quản lý tốt công nợ, đảm bảo nguồn tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng quy định.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:



1. Nhận xét: Trong năm 2024 Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính Công ty. Ban kiểm soát không nhận được bất cứ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng Quản trị.

2. Kiến nghị: Tiếp tục rà soát đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty, kế hoạch sản xuất chưa có hiệu quả trong năm 2024, từ đó có giải pháp khắc phục và tháo gỡ khó khăn nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh trong toàn công ty;

- Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc Công ty cần chú trọng mở rộng thêm thị trường thu mua, tiêu thụ sản phẩm cà phê, khai thác tối đa tiềm năng đất đai sẵn có như: trồng xen các loại cây đậu tương, đậu lạc ngăn ngừa vào vườn cà phê trồng mới, cà phê KTCB, vườn sầu riêng, nhằm tạo tươi xốp đất cho vườn cây, tận dụng cây đậu tủ gốc, giữ ẩm cho cà phê và sầu riêng. Áp dụng mô hình nông nghiệp như trồng bắp hạt giống, bắp sinh khối trên diện tích đất cà phê đã thanh lý để nâng cao hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025:

1. Thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật Nhà nước.

2. Kiểm soát đột xuất hay chuyên đề đúng yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (nếu có). Nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ và quy trình quản lý Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của ban kiểm soát năm 2024, rất mong nhận được những ý kiến tham gia đóng góp từ quý cổ đông để Ban kiểm soát hoàn thiện hơn các hoạt động trong niên độ tới.

Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ, đã phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, chúc Quý cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

TM/ BAN KIỂM SOÁT



Trần Thị Bích Ngọc

Số: 29/BC-HĐQT

Cư'Mgar, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
(Từ ngày 27/4/2024 đến ngày 22/4/2025)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cà phê Ea Pốk đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị xin báo cáo kết quả hoạt động từ ngày 27/4/2024 đến ngày 22/4/2025 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Thông tin về thành viên và cơ cấu Ban điều hành (tại ngày 31/12/2024):

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CMND/Thẻ căn cước công dân | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|------------|--------------------------|--|-------------------------------|-------------------|-----------|
| I | Hội đồng quản trị | | | | |
| 1 | Ngô Văn Hùng | Chủ tịch HĐQT | 038081001268 | 79.270 | 0,84 |
| 2 | Huỳnh Thị Thu Thủy | Thành viên HĐQT – ĐD phần vốn Nhà nước | 066185010499 | 1.000 | 0,01 |
| 3 | Nguyễn Văn Dương | Thành viên HĐQT | 038096000159 | 2.013.700 | 21,45 |
| II | Ban Giám đốc | | | | |
| 1 | Huỳnh Trọng Phước | Phó Giám đốc công ty | 0660620011971 | | |
| III | Ban Giám sát | | | | |
| 1 | Nguyễn Đức Dũng | Trưởng Ban Giám sát | | | |
| IV | Kế toán trưởng | | | | |
| 1 | Hoàng Thị Thanh Huyền | Kế toán trưởng | 066187010925 | 2.100 | 0,007 |

Ngày 26/4/2024, Công ty Cổ phần Cà phê Ea Pôk tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên:

- | | |
|---------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông: Ngô Văn Hùng | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2. Bà: Huỳnh Thị Thu Thủy | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| 3. Ông: Nguyễn Văn Dương | Chức vụ: Thành viên HĐQT |

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị họp bất thường khi có các nội dung liên quan cần thảo luận. Tất cả các cuộc họp đều được chuẩn bị nội dung cụ thể và thông báo đến từng thành viên trước cuộc họp.

2. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

Từ ngày 27/4/2024 đến ngày 22/4/2025, Hội đồng quản trị đã tiến hành 03 cuộc họp, ban hành 03 biên bản họp HĐQT, 02 Nghị quyết cụ thể như sau:

2.1. Ngày 22/5/2024 HĐQT họp về việc thông qua phương án vay vốn chăm sóc cà phê 162 ha cà phê kinh doanh và ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT.


2.2. Ngày 10/8/2024 HĐQT họp về việc thanh lý 74,91 ha cà phê vùng 87 Đội 1.

2.3. Ngày 21/2/2025, HĐQT họp về việc chốt danh sách cổ đông vào ngày đăng ký cuối cùng, thông qua dự thảo kế hoạch hoạt động SXKD năm 2025, thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và phê duyệt Nghị quyết số 01-HĐQT ngày 22/2/2025.

3. Công tác phối hợp với Ban kiểm soát và Đảng đoàn thể

Từ ngày 27/4/2024 đến ngày 22/4/2025, Ban kiểm soát của Công ty đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cũng đã cung cấp đủ thông tin và các tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát được chặt chẽ hơn.

HĐQT đã chỉ đạo sửa đổi và bổ sung các Quy chế quản lý cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế của Công ty. HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Giám đốc điều hành trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Công ty. Mọi vấn đề đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành. Các đề xuất của Ban Giám đốc điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị từ ngày 27/4/2024 đến 22/4/2025 của Công ty Cổ phần cà phê Ea Pôk. Hội đồng quản trị xin báo cáo với Quý cổ đông và rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp, ủng hộ của Quý cổ đông./. 

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.



Ngô Văn Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ EA PỐK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 28 /BC-EPC

CưMgar, Ngày 03 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Công ty cổ phần cà phê Ea Pók trước đây là doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn nhà nước. Thực hiện theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, Công ty thực hiện cổ phần hóa giai đoạn từ năm 2017-2018, chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ tháng 11/2018. Đến nay hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đã được 06 năm.

Cơ cấu cổ phần của Công ty cà phê Ea Pók hiện nay cụ thể như sau: Nhà nước giữ 32,19%; Nhà đầu tư giữ 65,44%; Cổ đông là người lao động chiếm 2,37%. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty; Ban Giám sát; Công ty có 06 phòng ban chức năng; 5 đội sản xuất; 1 xưởng chế biến cà phê; 1 xưởng sản xuất phân bón vi sinh hữu cơ, phân trùn quế; và 1 trại chăn nuôi bò.

Năm 2024 khép lại với những kết quả đạt được trên từng lĩnh vực cụ thể như sau:

I. Về tình hình an ninh chính trị, trật tự:

Công ty cổ phần cà phê Ea Pók là doanh nghiệp có sử dụng trên 70% lao động là người đồng bào dân tộc tại chỗ. Từ đầu năm 2022 đến đầu năm 2023, tình hình an ninh chính trị tại 03 Buôn đồng bào dân tộc thiểu số diễn biến phức tạp. Nhiều dự án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không thể triển khai đúng kế hoạch. Tuy nhiên, với sự nỗ lực cố gắng của tập thể Lãnh đạo quản lý công ty cổ phần cà phê Ea Pók; sự hỗ trợ giúp đỡ tận tâm của UBND tỉnh Đắk Lắk, các Sở Ngành địa phương và Đảng bộ huyện CưMgar, trong việc tuyên truyền, vận động, giải thích và liên tục tổ chức nhiều cuộc họp, đối thoại, dân vận, vào trực tiếp từng nhà, từng hộ để giải thích tuyên truyền thêm cho bà con hiểu và nắm bắt chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, kế hoạch SXKD đúng đắn của Công ty. Cương quyết xử lý những trường hợp kích động, lôi kéo vi phạm pháp luật.

Từ năm 2023, Công ty đã tổ chức 24 cuộc họp triển khai kế hoạch sản xuất; 06 cuộc họp đối thoại trực tiếp với công nhân và người dân; 10 buổi tập huấn canh tác nông nghiệp bền vững cho cán bộ và công nhân. Đến năm 2024, cơ bản tình hình chính trị tại doanh nghiệp đã được ổn định. Hiện nay, 100% người nhận khoán đồng thuận với kế hoạch sản xuất kinh doanh của công

ty. Chỉ còn lại 29 suất khoán đã hết hạn hợp đồng tại Vùng khoán gọn A2A3, theo chủ trương Công ty sẽ chuyển sang ký hợp đồng giao khoán dạng khoán có đầu tư bắt đầu năm 2025.

II. Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1. Đối với ngành cà phê:

Khi chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần, Hội đồng quản trị công ty vẫn luôn xác định là cây cà phê là sản phẩm chủ lực của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đại đa số vườn cà phê của công ty có tuổi đời cao (trên 30 năm tuổi), năng suất thấp. Diện tích và sản lượng cà phê quả tươi của doanh nghiệp giảm mạnh qua các năm cụ thể như sau:

| Số TT | Năm | Diện tích cà phê kinh doanh (ha) | Diện tích cà phê tái canh (ha) | Tổng diện tích cà phê (ha) | Sản lượng cà phê quả tươi phần cứng công ty (tấn/năm) |
|-------|------|----------------------------------|--------------------------------|----------------------------|---|
| 1 | 2019 | 363,56 | | 363,56 | 1.324 |
| 2 | 2020 | 362,93 | | 362,93 | 1.098 |
| 3 | 2021 | 356,76 | | 356,76 | 1.316 |
| 4 | 2022 | 289,88 | | 289,88 | 730 |
| 5 | 2023 | 207,08 | 27,00 | 234,08 | 682 |
| 6 | 2024 | 207,08 | 45,63 | 252,71 | 510 |

Để duy trì và phát triển ngành cà phê, xác định sản phẩm cà phê là sản phẩm chủ lực của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có những giải pháp và mục tiêu cụ thể như sau:

+ Chuyển dần sang giao khoán Công ty đầu tư toàn bộ, không tổ chức khoán gọn. Nhập toàn bộ sản xuất thu hái trên vườn cà phê về Công ty, sau đó thực hiện ăn chia theo tỷ lệ Công ty 60%, hộ nhận khoán 40% trên sản phẩm thực nhập; kế hoạch đến niên vụ cà phê 2025-2026, công ty đã chuyển thành 100% hợp đồng giao khoán là khoán có đầu tư và thực thu toàn bộ sản phẩm nộp về công ty. Không còn duy trì dạng khoán gọn.

+ Tập trung sản xuất cà phê chế biến ướt; cà phê Honey có giá trị kinh tế cao;

+ Thực hiện kế hoạch tái canh lại cây cà phê theo từng giai đoạn: giai đoạn năm 2023 tái canh 27 ha cà phê, năm 2024 tái canh 18,63 ha, đạt 45,6% kế hoạch đề ra. Từ năm 2025-2026 tái canh từ 50 - 60 ha cà phê, tùy thuộc vào chất lượng mẫu đất, thời gian cải tạo đất và khả năng tài chính hiện có của doanh nghiệp để đưa ra thời điểm cụ thể cho từng vùng.

+ Trồng đa canh, xen canh trên cùng một diện tích đất để tận dụng tối đa nguồn lực, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu rủi ro thị trường và tăng thu nhập bình quân trên 01ha, cải thiện đời sống cho người lao động.

- Kết quả sản xuất kinh doanh ngành cà phê niên vụ 2023-2024 cụ thể như sau:

| TT | Mục - ngành | ĐVT | Ngành cà phê niên vụ 2023-2024 | | |
|------------|----------------------------|------------|--------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| | | | Phần cứng công ty | Phần của người nhận khoán | Tổng cộng |
| I | Doanh thu SXKD | Đ | 15.224.183.000 | 9.412.949.503 | 24.637.132.503 |
| 1 | Số lượng tiêu thụ | Kg nhân xô | 145.590,00 | 82.606,80 | 228.196,8 |
| 2 | Diện tích | Ha | 207 | | |
| 3 | Năng suất bình quân | Kg/ha | 703 | | |
| 4 | Giá bán bình quân | Đ/kg nhân | 104.568,88 | 113.948,85 | 107.964,41 |
| II | Chi phí | | 12.279.151.231 | 7.485.688.169 | 19.764.839.400 |
| 1 | Giá vốn hàng bán | Đồng | 8.954.842.422 | 6.257.745.166 | 15.212.587.588 |
| - | Giá vốn B/Q (*) | Đ/kg nhân | 61.507,26 | 75.753,39 | 66.664,33 |
| - | Suất đầu tư bình quân 1 ha | Đồng/ha | 43.243.396 | 0 | |
| 2 | Chi phí hao hụt | Đồng | 129.432.378 | 86.876.103 | 216.308.481 |
| 3 | Chi phí bán hàng | Đồng | 4.752.000 | 0 | 4.752.000 |
| 4 | Chi phí quản lý | Đồng | 2.299.957.723 | 953.334.545 | 3.253.292.268 |
| 5 | Chi phí lãi vay | Đồng | 890.166.708 | 187.732.355 | 1.077.899.063 |
| | Giá bán điểm hòa vốn | Đ/kg nhân | 84.341 | 90.618 | 86.613,13 |
| III | Lợi nhuận từ SXKD | | 2.945.031.769 | 1.927.261.334 | 4.872.293.103 |

Công ty chú trọng đầu tư đúng hướng, tập trung chế biến sản phẩm cà phê chế biến ướt (100% quả chín); cà phê Honey có giá trị kinh tế cao kết hợp phân loại, đánh bóng, bắn màu để làm hàng chất lượng cao bán cho thị trường rang xay trong nước. Giá bán cà phê chất lượng cao chênh lệch cao hơn giá bán cà phê nhân xô từ 7.000 – 12.000 đồng/kg (tùy từng loại). Bên cạnh đó giá bán thị trường cà phê nhân xô tăng mạnh từ giữa năm 2024, nên tổng doanh thu ngành cà phê đạt 24,6 tỷ đồng/22,032 tỷ đồng, đạt 112%. Giá bán bình quân đạt 107.964,41 đồng/kg. Lợi nhuận ngành cà phê đạt 4,872 tỷ đồng/4,456 tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch đề ra.

2. Ngành chăn nuôi:

Ngành chăn nuôi vẫn tiếp tục còn gặp nhiều khó khăn do giá cả thị trường biến động thấp, giá bán thấp hơn giá thành sản xuất từ 30.000 – 40.000 đồng/kg bò hơi. Công ty tiếp tục chăm sóc đàn bò ở ngưỡng duy trì đàn. Mục tiêu là để có nguồn phân hữu cơ vi sinh để chăm sóc cho 40ha sầu riêng và kế hoạch tái canh cà phê theo từng chu kỳ.

Mặt khác, nguồn giống bò của Công ty đa số là bò cỏ, giống bò này tăng trọng thấp, nuôi bán thịt sẽ không có hiệu quả. Vì vậy, Chủ trương từ đầu năm 2024, Công ty thực hiện thụ tinh nhân tạo giống bò phân ly BBB trên 50 con bò đực, kết quả phối tổng được 55 lượt bò cái, trong đó có 24 lượt thụ tinh nhân tạo. trong năm 2024 đẻ được 42 con bê, trong đó có 10 bê thụ tinh nhân tạo.

Theo sổ liệu kiểm kê tại ngày 31/12/2024, tổng đàn bò hiện còn 158 con, trọng lượng 38.079kg. Trong đó: 53 con bò cái sinh sản trọng lượng 17.347kg; 1 con đực giống trọng lượng 493kg; 39 con bê theo mẹ trọng lượng 3.881kg; 32 con bê đực tách mẹ trọng lượng 7.704kg; 23 con bê cái tách mẹ trọng lượng 5.743kg và 10 con cái loại thải trọng lượng 2.911kg.

Năm 2024, Công ty thực hiện tái cơ cấu lại toàn đàn, tinh giảm đàn đến cuối năm chỉ còn lại 158 con. Giá bán bò hơi bình quân đạt 60.377,53 đồng/kg, giá vốn hàng bán bình quân là 97.823,94 đồng/kg. Tổng doanh thu chăn nuôi bò đạt 761 triệu đồng/1.976 triệu đồng, đạt 38,5% kế hoạch (Có những thời điểm, bò thịt đã đủ tuổi xuất chuồng nhưng không có đầu ra, tiếp tục nuôi thì tốn chi phí thức ăn nhưng không tăng trọng thêm). Vì vậy, kết quả sản xuất kinh doanh chung toàn ngành chăn nuôi vẫn lỗ 809 triệu đồng.

Tại thời điểm chốt sổ để lập báo cáo tài chính, giá bò hơi treo tồn kho sổ sách là 97.823,94 đồng/kg, giá bán thị trường ước tính đối với bò thịt là 60.377,5 đồng/kg và giá bán ước tính đối với bò giống là 87.000 đồng/kg. Vì vậy, theo quy định Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với đàn bò tại ngày 31/12/2024, số tiền là 964.102.388 đồng. Hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính 2024.

Ngoài ra, năm 2024 Công ty khai thác sản phẩm phụ ngành chăn nuôi 466,6 tấn phân bò chuyển sản xuất phân vi sinh và làm thức ăn cho giun quế, trị giá 493 triệu đồng.

3. Đối với ngành trồng các loại cây ngắn ngày trên nền đất trồng:

Công ty hiện có 188ha đất trồng đang trong thời gian cải tạo đất để luân phiên trồng lại cây cà phê theo từng giai đoạn. Trong thời gian chờ đất nghỉ, công ty tổ chức trồng các loại cây ngắn ngày và cây hoa màu với diện tích và kết quả sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

| TT | Loại cây trồng | Diện tích (ha) | Chu kỳ cây | | Sản lượng xuất bán (kg) | Doanh thu (triệu đồng) | Chi phí (triệu đồng) | Lợi nhuận (triệu đồng) |
|----|------------------|----------------|-----------------------|--------------------|-------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | | | Thời điểm xuống giống | Thời điểm dọn vườn | | | | |
| 1 | Ớt Chỉ thiên | 47,05 | 08/2023 | 05/2024 | 408.245,10 | 6.602 | 14.327 | -7.725 |
| 2 | Bắp sinh khối | 42,17 | 05/2024 | 08/2024 | 1.431.660,00 | 1.217 | 1.090 | 127 |
| 3 | Đậu nành | 73,05 | 05/2024 | 08/2024 | 92.914,30 | 1.778 | 1.898 | -120 |
| 4 | Đậu lạc | 8,98 | 05/2024 | 08/2024 | 14.053,20 | 231 | 143 | 87 |
| | Tổng cộng | 171,25 | | | | 9.827 | 17.458 | -7.632 |

Đối với sản phẩm là cây ớt Chỉ thiên: đây là loại cây có suất đầu tư lớn, có giá trị kinh tế cao, cần đầu tư cơ sở hạ tầng, điện, hệ thống tưới đồng bộ. Bên cạnh đó, khi vào giai đoạn chăm sóc thu hoạch cần đáp ứng được khối lượng vật tư (phân, thuốc) kịp thời và liên tục; lực lượng nhân công đủ lớn khi ớt chín rộ. Sản phẩm hái về cần xuất bán ngay trong ngày, công ty hiện chưa có kho đông lạnh nên không thể tạm trữ sản phẩm qua ngày hôm sau.

Năm 2024, thời tiết diễn biến bất lợi, sự biến đổi khí hậu không còn diễn ra theo mùa như trước đây làm ảnh hưởng không nhỏ đến 47ha ớt trồng trong năm 2024. Tháng 01/2024 đến tháng 05/2024 nắng nóng kéo dài, cộng hưởng với việc trùng vào lịch tưới cho 200ha cà phê, dẫn đến nguồn nước từ đập không đủ để đáp ứng cho nhu cầu cây trồng và hệ thống tưới cũng bị quá tải, không đủ nước tưới cho vườn cây dẫn đến tỷ lệ đậu hoa thấp và vườn cây bị kiệt sức. Khi Tây nguyên bước vào mùa mưa cũng là mùa thu rộ của các vườn ớt Công ty. Thời điểm tháng 07/2024, có đợt mưa kéo dài liên tục 20 ngày, cũng chính là thời điểm thu rộ ớt cỡ 2 của 22ha tại Vùng EaLup, mặc dù Công ty đã tìm mọi giải pháp, huy động tổng lực lượng nhân công để đưa sản phẩm ngoài đồng về kho. Tuy nhiên, ớt thuộc mặt hàng rau, củ, quả... khi bị ngâm nước sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng, cộng với vấn đề kho tiếp nhận chưa đáp ứng được lượng lớn sản phẩm ớt nhập về (ớt bị ướt cần hong kho, loại bỏ toàn bộ lá, cành, đóng gói trước khi xuất bán). Vì vậy, sản phẩm khi xuất bán một lượng lớn phải xuất qua hàng loại 2.

Mặc dù Công ty đã chủ động trồng ớt mùa mưa đến đón giá cao. Tuy nhiên, năm 2024 giá ớt thấp hơn nhiều so với dự kiến.

Ngoài ra, vấn đề khó khăn lớn nhất gặp phải đó là vấn đề nhân công trực tiếp chăm sóc vườn cây. Đặc biệt là 2 khâu phun thuốc và thu hái sản phẩm. Thuốc phun chưa đạt yêu cầu và đúng quy trình hướng dẫn, lực lượng cán bộ giám sát trực tiếp lại mỏng vì vậy công tác phòng và chống dịch bệnh chưa đạt yêu cầu. Phong tục tập quán của người lao động là dân tộc ê đê là không làm việc trong những ngày chủ nhật, trong buôn làng nếu có ma chay, cưới hỏi thì nghỉ cả buôn. Vì vậy, có những thời điểm ớt chín rộ nhưng không thể huy động đủ lực lượng công nhân để thu hái về kho.

Trên đây là những vấn đề khó khăn và nguyên nhân dẫn đến thất bại dự án 47ha ớt trồng trong năm 2024.

4. Sản xuất phân hữu cơ vi sinh và phân trùn quế:

Trong năm 2024, Công ty tận dụng tối đa nguồn liệu liệu phụ thu của ngành chăn nuôi và ngành chế biến, kết hợp với các nguyên liệu như men vi sinh tricolor, mật rỉ, cám gạo, chế phẩm EM....để sản xuất ra 302 tấn phân vi sinh hữu cơ với giá thành sản xuất là 2.059,14 đồng/kg, đây là nguồn phân bón hữu cơ có giá thành thấp và chất lượng cải tạo đất tốt cho các loại cây trồng.

Ngoài ra, Công ty sản xuất và thu hoạch được 65 tấn phân trùn quế, chuyên dùng để bón cho 28,58ha sầu riêng

5. Hợp tác kinh doanh điện năng lượng:

Theo nghị quyết số 01/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ban hành ngày 09/01/2021. Công ty có hợp tác kinh doanh điện năng lượng với Công ty TNHH Le Delta Đắk Lắk 1,2,3. Theo đó hàng tháng Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận là 55 triệu đồng/hệ/tháng, tổng 03 hệ thu được 165 triệu đồng/tháng. Tổng thu từ việc hợp tác kinh doanh điện năng lượng trong năm 2024 sau khi tách VAT đầu ra là 1.800 triệu đồng, chi phí lãi vay và quản lý phí là 405,7 triệu đồng, chi phí khấu hao hệ thống áp mái là 721,7 triệu đồng. Lợi nhuận 672,6 triệu đồng.

6. Kết quả kinh doanh toàn công ty năm 2024:

(ĐVT: Việt Nam đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Tỷ lệ % |
|-----|---|----------------|----------------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu | 30.151.402.093 | 37.539.106.823 | 124,50 |
| 2 | Doanh thu thuần | 30.151.402.093 | 37.539.106.823 | 124,50 |
| 3 | Giá vốn hàng bán | 30.965.179.771 | 34.762.674.811 | 112,26 |
| 4 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | -813.777.678 | 2.776.432.012 | -341,18 |
| 5 | Doanh thu hoạt động tài chính | 1.968.456 | 1.395.605 | 70,90 |
| 6 | Chi phí tài chính | 2.153.944.099 | 1.760.647.650 | 81,74 |
| | Trong đó: Chi phí lãi vay | 2.153.944.099 | 1.760.647.650 | 81,74 |
| 7 | Chi phí bán hàng | 32.647.100 | 203.124.323 | 622,18 |

| | | | | |
|----|--|-----------------|----------------|--------|
| 8 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 4.746.620.636 | 5.207.268.391 | 109,70 |
| 9 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | -7.745.021.057 | -4.393.212.747 | 56,72 |
| 10 | Thu nhập khác | 101.382.228 | 180.286.236 | 177,83 |
| 11 | Chi phí khác | 3.239.665.481 | 739.525.276 | 22,83 |
| 12 | Lợi nhuận khác | -3.138.283.253 | -559.239.040 | 17,82 |
| 13 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | -10.883.304.310 | -4.952.451.787 | 45,51 |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | -10.883.304.310 | -4.952.451.787 | 45,51 |

7. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(ĐVT: Việt Nam đồng)

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Tỷ lệ % |
|------------|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| A | Tổng tài sản | 76.533.124.555 | 66.478.143.062 | |
| I | Tài sản ngắn hạn | 27.365.931.235 | 21.897.504.561 | 61,64 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 290.714.441 | 758.723.335 | 260,99 |
| 2 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 1.263.579.358 | 555.623.909 | 43,97 |
| 3 | Hàng tồn kho | 24.225.121.922 | 19.510.100.931 | 80,54 |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 1.586.515.514 | 1.073.056.386 | 67,64 |
| II | Tài sản dài hạn | 49.167.193.320 | 44.580.638.501 | 101,69 |
| 1 | Tài sản cố định | 44.023.400.956 | 35.895.818.097 | 81,54 |
| 2 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 4.901.082.482 | 8.468.794.681 | 172,79 |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 242.709.882 | 216.025.723 | 89,01 |
| B | Tổng nguồn vốn | 76.533.124.555 | 66.478.143.062 | 83,94 |
| III | Nợ phải trả | 32.307.260.516 | 27.204.730.810 | 103,68 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 30.907.260.516 | 27.204.730.810 | 88,0 |
| 3 | Nợ dài hạn | 1.400.000.000 | 0 | 0,0 |
| VI | Nguồn vốn chủ sở hữu | 44.225.864.039 | 39.273.412.252 | 77,7 |

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Tỷ lệ % |
|-----|--|----------|----------|---------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + | Hệ số thanh toán ngắn hạn | 0,89 | 0,80 | 90,91 |
| + | Hệ số thanh toán nhanh | 0,10 | 0,09 | 86,36 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + | Hệ số Nợ | 0,42 | 0,41 | 96,94 |

| | | | | |
|---|--|-------|-------|--------|
| + | Hệ số Vốn chủ sở hữu | 0,58 | 0,59 | 102,23 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + | Vòng quay hàng tồn kho | 1,28 | 1,78 | 139,39 |
| + | Doanh thu thuần trên tổng tài sản | 0,39 | 0,56 | 143,33 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi | | | |
| + | Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu | -0,36 | -0,13 | 36,55 |
| + | Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu | -0,25 | -0,13 | 51,24 |
| + | Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản | -0,14 | -0,07 | 52,39 |
| + | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần | -0,26 | -0,12 | 45,56 |

8. Thu nhập bình quân đầu người của từng loại cây trồng cụ thể như sau:

| STT | Khoản mục | Diện tích (ha) | Số lao động (người) | Thời gian canh tác | Chi phí tiền lương, tiền công (đồng) | Thu nhập bình quân (ng/năm) | Thu nhập bình quân (người/ha) |
|-----|---|----------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| 1 | Hợp đồng khoán sản phẩm cà phê kinh doanh | 209,01 | 282 | 12 tháng | 5.334.874.929 | 18.917.996 | 25.524.496 |
| 2 | Hợp đồng khoán công việc chăm sóc cà phê KTCB 2 | 27,09 | 25 | 12 tháng | 577.834.200 | 23.113.368 | 21.330.166 |
| 3 | Hợp đồng khoán công việc chăm sóc cà phê KTCB 1 | 18,63 | 22 | 6 tháng | 327.937.750 | 14.906.261 | 17.602.670 |
| 4 | Hợp đồng khoán công việc chăm sóc sầu riêng | 28,58 | 12 | 12 tháng | 327.377.975 | 27.281.498 | 11.454.793 |
| 5 | Hợp đồng khoán công việc chăm sóc ớt | 47,05 | 33 | 5 tháng | 3.884.106.654 | 117.700.202 | 82.552.745 |
| 6 | Hợp đồng khoán công việc chăm sóc đậu nành | 73,05 | 54 | 3 tháng | 278.873.704 | 5.164.328 | 3.817.573 |
| 7 | Hợp đồng khoán công việc chăm sóc bắp sinh khối | 44,17 | 82 | 3 tháng | 218.835.527 | 2.668.726 | 4.954.393 |
| 8 | Hợp đồng khoán công việc chăm sóc giun quế | | 2 | 12 tháng | 173.446.393 | 86.723.197 | |
| 9 | Hợp đồng khoán công việc chăn nuôi bò | | 3 | 12 tháng | 313.435.637 | 104.478.546 | |
| 10 | Hợp đồng khoán công việc chế biến cà phê | | 4 | 6 tháng | 210.678.000 | 52.669.500 | |
| | Tổng cộng | | 519 | | 11.647.400.769 | | |

Tổng kết lại:

Năm 2024, Tổng doanh thu toàn công ty đạt 37,5 tỷ đồng, đạt 124% so với năm 2023 và đạt 71% so với kế hoạch đề ra. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty vẫn còn thua lỗ, chủ yếu là lỗ từ dự án ớt xuống giống năm 2023. Mặc dù chưa có lợi nhuận, nhưng Ban điều hành công ty đã nỗ lực rất nhiều trong việc khắc phục lỗ cho doanh nghiệp, đồng thời ổn định tình hình an ninh, chính trị; toàn công ty có 100% người lao động đồng thuận mọi kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; Đã xuống giống được 28,58ha sầu riêng, tổng chi phí đầu tư lũy kế là 3,048 tỷ đồng; Từng bước hoàn thành mục tiêu dài hạn tái canh lại 100ha cà phê theo từng giai đoạn, hiện nay đã trồng tái canh được 45,72ha cà phê với tổng chi phí đã đầu tư hết 3,459 tỷ đồng, đạt 45,72% kế hoạch đề ra; tổ chức sản xuất luân canh trên 160 ha đất trống còn lại đối với các loại cây ngắn ngày để cải tạo đất như đậu nành, đậu lạc, bắp sinh khối... để làm tiền đề cho việc tái canh lại cây cà phê giai

đoạn 2026 trở đi; xen canh các loại cây họ đậu trên vườn cây công nghiệp dài ngày như sầu riềng và cà phê để tiết kiệm chi phí, lấy ngắn nuôi dài, nâng cao hiệu quả canh tác trên một đơn vị diện tích đất và cải thiện thu nhập cho người lao động nhận khoán...

Kính thưa quý cổ đông. Năm 2024, mặc dù kết quả đạt được chưa được như mong đợi, nhưng với sự đồng lòng, sự đoàn kết thống nhất của toàn bộ máy trên mọi mặt trận, và sự giúp đỡ hỗ trợ tận tâm của chính quyền địa phương và các Sở Ban Ngành, chúng ta đã gặt hái được một số thành công nhất định. Chúng tôi hi vọng rằng, với những bài học kinh nghiệm chúng ta đã có được trong năm 2024, cùng với sự đóng góp xây dựng của quý cổ đông để hoàn thiện kế hoạch SXKD năm 2025 là tiền đề để Công ty cổ phần cà phê Ea Pôk từng bước khắc phục lỗ và sản xuất kinh doanh ổn định, phát triển và có lợi nhuận.

Trên đây là toàn văn nội dung báo cáo tổng kết về kết quả sản xuất kinh doanh toàn công ty năm 2024. Một lần nữa, xin kính chúc tất cả cổ đông sức khỏe dồi dào, an khang thịnh vượng, vạn sự như ý.

Xin trân trọng cảm ơn/.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH HĐQT

Ngô Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ EA PÓK**

Số 49/5/2025/TT-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cư M'gar, ngày 11 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PÓK

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Ea Pók.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện việc soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 trong danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025.

Kính trình Đại hội xem xét!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN THỊ BÍCH NGỌC

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v. Báo cáo tổng thể ngành sản xuất cà phê và
thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Phần 1

Báo cáo tổng thể vùng sản xuất cà phê

Hiện nay vườn cà phê công ty đang có 3 dạng cà phê gồm: Cà phê KTCB1, KTCB2 và cà phê kinh doanh với 5 đơn vị sản xuất. Phòng kế hoạch kỹ thuật xin báo cáo cụ thể như sau:

A. Cà phê KTCB 1

| Số TT | Đơn vị | Năm trồng | Diện tích (Ha) | Tổng số (Người) | Kinh (Người) | Đồng bào (Người) |
|-------|------------------|-----------|------------------|-----------------|--------------|------------------|
| A | Đội 1 | | 13,63 | 17 | 0 | 17 |
| I | Trồng mới | | 13,63 | 17 | 0 | 17 |
| 1 | Vùng 81 | 2024 | 4,77 | 5 | 0 | 5 |
| 2 | Vùng 83 | 2024 | 6,15 | 8 | 0 | 8 |
| 3 | Vùng Hồ Lô 3 | 2024 | 2,71 | 4 | 0 | 4 |
| B | Đội 4 | | 5,00 | 5 | 0 | 5 |
| I | Cà phê trồng mới | | 5,00 | 5 | 0 | 5 |
| 1 | Vùng 36 | 2024 | 5,00 | 5 | 0 | 5 |
| | Cộng | | 18,63 | 22 | 0 | 22 |

Cà phê KTCB1 trồng năm 2024 ở đơn vị đội 1 và đội 4, hiện nay đang mùa khô đang triển khai tưới nước, trồng xen bắp để tạo cây che bóng cho cà phê con và cung cấp nguồn thức ăn cho đàn bò của công ty.

Hiện tại cà phê đang phát triển bình thường, bắt đầu xuất hiện rầy, rệp . . . đề nghị có thuốc sớm để phun trừ rầy rệp.

B. Cà phê KTCB 2

| Số TT | Đơn vị | Năm trồng | Diện tích (Ha) | Tổng số (Người) | Kinh (Người) | Đồng bào (Người) |
|-------|---------------|-----------|------------------|-----------------|--------------|------------------|
| A | Đội 2 | | 0,76 | 1 | 1 | 0 |
| I | Cà phê KTCB 1 | | 0,76 | 1 | 1 | 0 |
| 1 | Vùng 21 ha | 2023 | 0,76 | 1 | 1 | 0 |

| | | | | | | |
|---|---------------|------|-------|----|---|----|
| B | Đội 4 | | 11,53 | 5 | 3 | 2 |
| I | Cà phê KTCB 1 | | 11,53 | 5 | 3 | 2 |
| 1 | Vùng 36 | 2023 | 10,53 | 4 | 3 | 1 |
| 2 | Vùng A1 | 2023 | 1,00 | 1 | 0 | 1 |
| C | Đội 5 | | 14,71 | 19 | 0 | 19 |
| I | Cà phê KTCB 1 | | 14,71 | 19 | 0 | 19 |
| 1 | Khu B | 2023 | 14,71 | 19 | 0 | 19 |
| | Cộng | | 27,00 | 25 | 4 | 21 |

- Cà phê KTCB2 trồng năm 2023 ở 3 đơn vị đội 2, đội 4 và đội 5. Tổng diện tích 27 ha. Hiện tại cà phê đang phát triển bình thường, đạt khoảng 75% tốt trên tổng diện tích. Năm 2025, bắt đầu thu bói. Sản lượng thu bói dự kiến 80 tấn cà phê quả tươi.

+ Diện tích cà phê đơn vị đội 2: 0,76 ha. Sau khi thanh lý, Công ty cho trồng thử nghiệm ngay. Hiện tại vườn cà phê có tuyến trùng, thối rễ, vàng lá, một dục cành . . . đang triển khai chăm sóc và xử lý sâu bệnh. Điều này cho thấy sau khi thanh lý, cần ít nhất 24 tháng để cải tạo đất (trồng các loại cây ngăn ngừa trên đất)

+ Diện tích cà phê đơn vị đội 4: 11,53 ha. Khi trồng thì phân thành 2 vùng là cà phê hữu cơ với diện tích 8,98 ha trồng lô 6 + 8 vùng 36. Khi thời gian đầu do cà phê hữu cơ không bón phân hóa học và phun thuốc BVTV lên vườn cây phát triển chậm, cây chết nhiều. Sau khi thấy vườn cà phê phát triển chậm, kém đồng nhất bón phân hóa học và phun thuốc BVTV, Đến thời điểm hiện tại vườn cà phê đang phát triển, nhưng số cây chết chiếm một phần đáng kể đặc biệt lô 8. Còn diện tích 2,55 ha trồng lô xếp vùng 36, lô 1, vùng A2 đang phát triển bình thường.

+ Diện tích cà phê đơn vị đội 5: 14,71 ha. Hiện tại vườn cây đang phát triển đồng đều, đây là đơn vị có vườn cà phê trồng tái canh phát triển tốt nhất trồng trong năm 2023. Năm 2025 các hộ nhận khoán ra tưới nước cho vườn cà phê mình nhận khoán, đây là điểm mới vì tưới nước cho cà phê mùa khô công ty phải thuê các tổ tưới nước cho toàn bộ cà phê của công ty.

C. Cà phê kinh doanh

| Số T T | Đơn vị | Năm trồng | Diện tích (Ha) | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Tổng số người |
|--------|------------------|-----------|----------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|---------------|
| | | | | Năng suất (Kg/Ha) | Sản lượng (Kg) | Năng suất (Kg/Ha) | Sản lượng (Kg) | |
| A | Đội 1 | | 10,36 | 3.749 | 38.835 | 3.275 | 33.928 | 13 |
| I | Khoán gọn | | 10,36 | 3.749 | 38.835 | 3.275 | 33.928 | 13 |
| 1 | Vùng Nguyễn Bình | 2017 | 10,36 | 3.749 | 38.835 | 3.275 | 33.928 | 13 |
| B | Đội 2 | | 45,89 | 5.041 | 231.317 | 3.753 | 172.246 | 66 |

| | | | | | | | | |
|-----------|-------------------------------|------------------|---------------|--------------|------------------|--------------|----------------|------------|
| I | Khoán có đầu tư | | 31,44 | 6.330 | 199.015 | 4.382 | 137.782 | 43 |
| 1 | Vùng 21 ha | 2007 | 19,73 | 6.222 | 122.766 | 3.901 | 76.978 | 24 |
| 2 | Vùng 13 | 2012, 2015 | 6,99 | 7.194 | 50.287 | 5.751 | 40.200 | 11 |
| 3 | Vùng 6,8 | 2012 | 4,72 | 5.500 | 25.962 | 4.365 | 20.604 | 8 |
| II | Khoán gọn | | 14,45 | 2.235 | 32.302 | 2.385 | 34.464 | 23 |
| 1 | Vùng 5,4 ha | 1984 | 5,40 | 1.404 | 7.581 | 1.392 | 7.517 | 8 |
| 2 | Vùng 7ha | 2007 | 0,50 | 1.402 | 701 | 1.418 | 709 | 1 |
| 3 | Vùng 10 ha | 2017 | 7,10 | 3.202 | 22.737 | 3.234 | 22.964 | 10 |
| 4 | Vùng 13 ha | 2018 | 0,52 | 2.467 | 1.283 | 2.585 | 1.344 | 1 |
| 5 | Vùng 18 ha | 2015 | 0,93 | | | 2.075 | 1.930 | 3 |
| C | Đội 3 | | 70,14 | 4.478 | 314.079 | 3.102 | 217.539 | 104 |
| I | Khoán có đầu tư | | 54,64 | 5.173 | 282.657 | 3.411 | 186.366 | 75 |
| 1 | Vùng Ealúp | 2000 | 54,64 | 5.173 | 282.657 | 3.411 | 186.366 | 75 |
| II | Khoán gọn | | 15,50 | 2.027 | 31.422 | 2.011 | 31.173 | 29 |
| 1 | Vùng A2 | 1995 | 7,16 | 1.935 | 13.857 | 1.917 | 13.728 | 13 |
| 2 | Vùng A3 | 1995 | 8,34 | 2.106 | 17.565 | 2.092 | 17.445 | 16 |
| D | Đội 4 | | 28,95 | 8.026 | 232.363 | 5.680 | 164.446 | 33 |
| I | Khoán có đầu tư | | 28,95 | 8.026 | 232.363 | 5.680 | 164.446 | 33 |
| 1 | Vùng 36 | 2011, 2015, 2017 | 19,22 | 8.144 | 156.524 | 5.985 | 115.040 | 22 |
| 2 | Vùng A1 | 2011, 2012 | 9,73 | 7.794 | 75.839 | 5.078 | 49.406 | 11 |
| E | Đội 5 | | 52,67 | 4.481 | 235.999 | 3.252 | 171.290 | 65 |
| I | Khoán có đầu tư | | 19,37 | 4.621 | 89.501 | 3.341 | 64.719 | 65 |
| 1 | Khu A1 | 1977 | 7,47 | 4.151 | 31.008 | 3.137 | 23.434 | 20 |
| 2 | Khu A2 | 1977 | 11,90 | 4.915 | 58.493 | 3.469 | 41.285 | 45 |
| II | Thanh toán tại bàn cân | | 33,30 | 4.399 | 146.498 | 3.200 | 106.571 | |
| | Cộng | | 208,01 | 5.060 | 1.052.593 | 3.651 | 759.449 | 281 |
| 1 | Khoán có đầu tư | | 167,70 | 4.792 | 803.536 | 3.299 | 553.313 | 216 |
| 2 | Khoán gọn | | 40,31 | 2.544 | 102.559 | 2.470 | 99.565 | 65 |
| | | | | | | | | |

- Công ty có 2 hình thức giao khoán cà phê:

1. Khoán có đầu tư.

- Công ty giao khoán vườn cây cà phê kinh doanh, cây đai rừng chắn gió là tài sản của công ty cho người nhận khoán cùng nhau tham gia đầu tư, khai thác, sản xuất cà phê theo đúng quy trình kỹ thuật của công ty ban hành và cùng hưởng lợi trên vườn cây nhận khoán theo tỷ lệ mức đầu tư của mỗi bên vào cuối vụ thu hoạch. Việc giao nhận vườn cây có tính kế thừa, nhưng phải được công ty nhất trí bằng văn bản.

- Công ty có trách nhiệm đầu tư phân bón theo định mức, tưới nước trong mùa khô, thuốc bảo vệ thực vật để làm ra sản phẩm phần cứng của công ty và phần cứng của người nhận khoán.

- Người nhận khoán có trách nhiệm chủ động đầu tư công lao động để thực hiện các khâu công việc trên vườn cây theo kế hoạch hàng tháng, hàng năm, đúng quy trình kỹ thuật hướng dẫn của công ty và chịu trách nhiệm tổ chức bảo vệ, thu hoạch, giao nộp sản phẩm đủ phần cứng cho công ty tại Xưởng chế biến theo tỷ lệ độ chín từ 90% trở lên.

- Căn cứ vào mức đầu tư của mỗi bên tạo ra sản phẩm hàng năm được thống nhất phân chia như sau: Thực thu toàn bộ sản phẩm nhập về Công ty với tỷ lệ: Công ty 60%, hộ nhận khoán 40%.

- Sản phẩm cà phê quả tươi 40% thực thu của người nhận khoán đó chính là: tiền lương, tiền công thực hiện các khâu công việc trên lô hàng năm, tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, BHTT, BHLĐ, tiền phép, tết, lễ, tiền thưởng từ lợi nhuận .v.v.. Ngoài khoản thu nhập trên, công ty không phải thanh toán thêm một khoản tiền nào khác.

2. Khoán gọn.

Do đặc điểm vườn cà phê của Công ty, có năng suất, chất lượng không đồng đều. Để đảm bảo quyền lợi của người nhận khoán, Công ty chủ trương thu sản lượng phần cứng bình quân toàn Công ty là 28.33% sản phẩm kế hoạch giao khoán. Đối với những vườn cây tốt, năng suất sản lượng cao thì mức thu tối đa không quá 29,14% sản phẩm kế hoạch giao khoán (nhưng không vượt quá 4.400 kg cà phê quả tươi/ha). Đối với những vườn cây xấu, năng suất, sản lượng thấp, doanh thu dưới điểm hòa vốn, thì Công ty giảm thu phần cứng tùy theo từng dạng năng suất vườn cây, nhưng mức thu tối thiểu cũng phải đạt 10% sản phẩm kế hoạch giao khoán; mức thu cụ thể được xác định thông qua giám định sản lượng trên vườn cây tại thời điểm. Riêng đối với những vườn cây chăm sóc đặc biệt, ngoài mức điều tiết giảm thu sản phẩm phần cứng; còn được công ty hỗ trợ

phân bón hữu cơ vi sinh, cây cà phê giống trồng dặm và hỗ trợ một phần công lao động .
... Nhằm mục đích tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động. Đối với những vườn cây được đầu tư cải tạo này sau 1 đến 2 hoặc 3 năm, nếu vườn cây không phát triển thì công ty đưa vào diện thanh lý; những vườn cây được phục hồi đi lên thì được tiếp tục đầu tư chăm sóc, chuyển sản lượng đến điểm hòa vốn, được giữ nguyên sản lượng giao khoán và tỷ lệ phân chia sản phẩm ổn định.

I/ ĐƠN VỊ ĐỘI 1:

1- Dạng khoán gọn: Trồng tái canh.

a) Vùng Nguyễn Bình tái canh trồng năm 2017, số xuất khoán: 13 - diện tích: 10,36 ha.

Hợp đồng giao khoán niên vụ 2020 - 2021 đến niên vụ 2024 - 2025, chu kỳ giao khoán 5 năm.

- Hợp đồng còn 2 năm 2023, 2024 như sau:

- Sản lượng năm 2023:

+ Năng suất: 10.714 kg/Ha

+ Sản lượng kế hoạch: 110.997 kg.

+ Phần cứng công ty: 32.189 kg.

+ Phần cứng công nhân: 78.808 kg.

- Sản lượng năm 2024:

+ Năng suất: 11.429 kg/Ha

+ Sản lượng kế hoạch: 118.404 kg.

+ Phần cứng công ty: 34.337 kg.

+ Phần cứng công nhân: 84.067 kg.

- Phần cứng nộp công ty 2 năm 2023, 2024 như sau: 65.682 kg.

Có 1 xuất hụt khoán phần cứng công ty năm 2024: 844 kg đã nộp bằng tiền mặt.

b) Thực trạng vườn cây:

- Cà phê với TR4 cho năng suất chất lượng. Vườn cà phê 80 - 90 % diện tích cà phê đang phát triển và hiệu quả.

- Có nhiều lô cà phê đẹp, đai chắn gió, cây che bóng trên lô đảm bảo. Có các vườn giàu hữu cơ (lá, thảm đọt), đất tốt, cà phê đẹp.

- Đất thoái hóa . . .tuyến trùng thối rễ, vàng lá,... các vật chết không dậm được.

- Từ năm 2025 chuyển qua khoán có đầu tư, thực thu toàn bộ sản phẩm nhập về Công ty với tỷ lệ: Công ty 60%, hộ nhận khoán 40%.

II/ ĐƠN VỊ ĐỘI 2:

1- Dạng khoán có đầu tư: Là cà phê trồng tái canh.

a) Vùng 21 trồng năm 2007, số xuất khoán: 24 - diện tích: 19,73 ha.

- Năm 2023 và năm 2024 công ty chủ trương thực thu công ty: 60%, hộ nhận khoán: 40% kết quả như sau:

+ Sản lượng thực thu: 199.7447 kg. Năng suất: 5.062 kg/ha.

+ Phần cứng công ty: 119.846 kg.

+ Phần công nhân: 79.898 kg.

*** Thực trạng vườn cây:**

- Cà phê với bộ giống cũ. 60 - 70 % diện tích cà phê đang sản xuất ổn định, hiệu quả. Nhiều lô (2/3 lô-cả lô) cà phê.

- Đại chắn gió, cây che bóng trên lô (cây trồng xen) đảm bảo

- Các vườn giàu hữu cơ (lá, thâm đọt), đất tốt, cà phê đẹp.

- Cà phê lâu năm, già, giống cũ (năng suất thấp, hạt bé), gỉ sắt

- Có xuất diệt cỏ sạch, đất thoái hóa . . . tuyến trùng thối rễ, vàng lá . . . các vật chết không dậm được.

- Tiêu trồng xen quá dày, lấn át cà phê.

- Năm 2025, thanh lý 1 xuất: 0,84 ha (Lô 3 - Vùng 21)

b) Vùng 13 ha trồng năm 2012, số xuất khoán: 8, diện tích: 5,25 ha, trồng năm 2015, số xuất khoán: 3, diện tích: 1,74 ha. Tổng diện tích: 6,99 ha, số xuất khoán 11.

- Năm 2023 và năm 2024 công ty chủ trương thực thu công ty: 60%, hộ nhận khoán: 40% kết quả như sau:

+ Sản lượng thực thu: 90.487 kg. Năng suất: 6.473 kg/ha.

+ Phần cứng công ty: 54.292 kg.

+ Phần công nhân: 36.195 kg.

*** Thực trạng vườn cây:**

- Diện tích cà phê đang sản xuất tốt (có một số hộ xấu). Đại chắn gió, cây che bóng trên lô (trồng xen hồ tiêu) khá tốt, các vùng có thâm phủ.

- Bệnh rỉ, tuyến trùng biểu hiện ở mức độ nhẹ.

- Thiếu bóng che, cỏ sạch, đất thoái hóa ... tuyến trùng vàng lá

- Tiêu trồng xen quá dày lấn át cà phê.

c) **Vùng 6,8 trồng năm 2012, số xuất khoán: 8, diện tích: 4,72 ha.**

- Năm 2023 và năm 2024 công ty chủ trương thực thu công ty: 60%, hộ nhận khoán: 40% kết quả như sau:

+ Sản lượng thực thu: 46.566 kg. Năng suất: 4.933 kg/ha.

+ Phần cứng công ty: 27.940 kg.

+ Phần công nhân: 18.626 kg.

*** Thực trạng vườn cây:**

- Cà phê rất kém (trừ hộ Oanh, Tịnh, Triều, Nhật, Phúc, Bình).

- Đai chắn gió, cây che bóng trên lô (trồng xen hồ tiêu) khá tốt.

- Các vùng có thảm phủ và có bón hữu cơ đất khá màu mỡ.

- Bệnh rỉ, tuyến trùng biểu hiện ở mức độ trung bình.

- Diệt cỏ sạch, đất thoái hóa . . . tuyến trùng vàng lá.

- Tiêu trồng xen quá dày lẫn át cà phê.

2- Dạng khoán gọn:

a) **Vùng 10 ha trồng năm 2017, số xuất khoán: 10, diện tích: 7,1 ha.**

- Hợp đồng còn đến năm 2025 như sau:

- Sản lượng năm 2023:

+ Năng suất: 10.714 kg/Ha

+ Sản lượng kế hoạch: 76.069 kg.

+ Phần cứng công ty: 21.299 kg.

+ Phần cứng công nhân: 54.770 kg.

- Sản lượng năm 2024:

+ Năng suất: 11.429 kg/Ha

+ Sản lượng kế hoạch: 81.146 kg.

+ Phần cứng công ty: 23.532 kg.

+ Phần cứng công nhân: 57.614 kg.

- Phần cứng nộp công ty 2 năm 2023, 2024 như sau: 43.756 kg.

Có 1 xuất hụt khoán phần cứng công ty năm 2024: 1.076 kg.

*** Thực trạng vườn cây:**

- Diện tích cà phê đang sản xuất tốt (có một số hộ xấu). Đai chắn gió, cây che bóng trên lô (trồng xen hồ tiêu) khá tốt, các vùng có thảm phủ.

- Bệnh rỉ, tuyến trùng biểu hiện ở mức độ nhẹ.

- Thiếu bóng che, cỏ sạch, đất thoái hóa ... tuyến trùng vàng lá

- Tiêu trồng xen quá dày lấn át cà phê.

b) Vùng 5,4 ha trồng năm 1984 diện tích 5,4 ha, vùng 7 ha trồng năm 2007 diện tích 0,5 ha, vùng 13 trồng năm 2018 diện tích 0,52 ha, vùng 18 trồng năm 2015 diện tích: 0,93 ha.

- Hợp đồng còn đến năm 2025.

- Phần cứng công ty năm 2023: 8.953 kg

- Phần cứng công ty năm 2024: 10.864 kg

Cộng 2 năm 19.818 kg

*** Thực trạng vườn cây:**

- Có xuất phát triển kém, bị chết từng vạt.

- Có xen hồ tiêu, hàng giáp đai ruộng chắn gió, cây che bóng.

- Diệt cỏ sạch, đất thoái hóa, kiệt hữu cơ, dí dẽ, trơ chai,...

- Bệnh rỉ, tuyến trùng, nứt thân ở mức trung bình, nặng.

- Tiêu trồng xen quá dày lấn át cà phê.

III. ĐƠN VỊ ĐỘI 3:

1- Dạng khoán có đầu tư:

a) Vùng Ealúp trồng năm 2000, số xuất khoán: 75, diện tích: 54,64 ha.

- Năm 2023 và năm 2024 công ty chủ trương thực thu công ty: 60%, hộ nhận khoán: 40% kết quả như sau:

+ Sản lượng thực thu: 469.023 kg. Năng suất: 4.292 kg/ha.

+ Phần cứng công ty: 281.414 kg.

+ Phần công nhân: 187.609 kg.

*** Thực trạng vườn cây:**

- Cà phê với bộ giống cũ. 60-70 % diện tích cà phê đang sản xuất ổn định, hiệu quả.

- Đai chắn gió, cây che bóng trên lô (cây trồng xen) đảm bảo.

- Cà phê lâu năm, già, giống cũ (năng suất thấp, hạt bé), gỉ sắt.

- Đất thoái hóa . . . tuyến trùng thối rễ, vàng lá . . . các vạt chết không dặm được.

- Một số Tiêu trồng xen quá dày, lấn át cà phê.

2. Dạng khoán gọn:

a) Vùng A2, A3 trồng năm 1995, số xuất khoán: 29, diện tích: 15,5 ha.

- Hợp đồng còn đến năm 2024.

- Phần cứng công ty năm 2023: 29.339 kg

- Phần cứng công ty năm 2024: 29.621 kg

Cộng 2 năm 58.960 kg

Năm 2025 chuyển từ khoán gọn sang khoán có đầu tư.

*** Thực trạng vườn cây:**

- Cà phê với bộ giống cũ. Diện tích cà phê đang sản xuất ổn định.
- Đai chắn gió, cây che bóng trên lô (cây trồng xen) đảm bảo
- Cà phê lâu năm, già, giống cũ (năng suất thấp, hạt bé), gỉ sắt.
- Đất thoái hóa . . . tuyến trùng thối rễ, vàng lá . . . các vật chết không dậm được.
- Tiêu trồng xen quá dày, lấn át cà phê.

IV/ ĐƠN VỊ ĐỘI 4:

1- Dạng khoán có đầu tư:

a) Vùng 36 trồng năm 2011, 2015, 2017 số xuất khoán: 22, diện tích: 19,22 ha.

- Năm 2023 và năm 2024 công ty chủ trương thực thu công ty: 60%, hộ nhận khoán: 40% kết quả như sau:

+ Sản lượng thực thu: 271.564 kg. Năng suất: 7.065 kg/ha.

+ Phần cứng công ty: 188.014 kg.

+ Phần công nhân: 83.550 kg.

*** Thực trạng vườn cây:**

- Cà phê lô xếp, 1, 2 vùng 36:

- Cà phê đang sản xuất ổn định, hiệu quả. Có xuất phát triển kém, bị chết từng vật.

- Có xen ít hồ tiêu, hàng giáp đai ruộng chắn gió, cây che bóng cà còn đẹp, các vùng có thảm phủ và có bón hữu cơ đất vẫn khá ổn.

- Cà phê giống mới nhưng bị mất khoảng, hư hỏng khá nặng. Cà phê phát triển kém, bị chết từng vật (dậm không dật)

- Đất thoái hóa, kiệt hữu cơ, dí dẽ, tro chai,...

- Bệnh rỉ, tuyến trung, nứt than ở mức trung bình, nặng.

- Cải thiện, trồng dặm, tái canh,... hình thành, bổ sung vùng nguyên liệu .

- Cà phê lô 7 vùng 36 trồng năm 2017, số xuất khoán: 6, diện tích: 4,88 ha.

- Cà phê đang sản xuất ổn định, hiệu quả (trừ hộ Trường).

- Đai chắn gió, cây che bóng trên lô (trồng xen hồ tiêu) khá tốt.

- Các vùng có thảm phủ và có bón hữu cơ đất khá màu mỡ.
- Hàng giáp đai muồng chắn gió, cây che bóng cà còn đẹp.
- Năm 2025 chuyển qua khoán có đầu tư, thực thu toàn bộ sản phẩm nhập về Công ty với tỷ lệ: Công ty 60%, hộ nhận khoán 40%.

b) Vùng A1 trồng năm 2011, 2012, số xuất khoán: 11, diện tích: 9,73 ha.

- Năm 2023 và năm 2024 công ty chủ trương thực thu công ty: 60%, hộ nhận khoán: 40% kết quả như sau:

+ Sản lượng thực thu: 125.245 kg. Năng suất: 6.435 kg/ha.

+ Phần cứng công ty: 75.147 kg.

+ Phần công nhân: 50.098 kg.

*** Thực trạng vườn cây:**

- Cà phê đang sản xuất ổn định, hiệu quả. Có xuất phát triển kém, bị chết từng vạt.

- Có xen ít hồ tiêu, hàng giáp đai muồng chắn gió, cây che bóng cà còn đẹp, các vùng có thảm phủ và có bón hữu cơ đất vẫn khá ổn.

- Cà phê giống mới nhưng bị mất khoảng, hư hỏng khá nặng. Cà phê phát triển kém, bị chết từng vạt (dặm không đạt)

- Đất thoái hóa, kiệt hữu cơ, dể dể, trơ chai,...

- Bệnh rỉ, tuyến trùng, nứt than ở mức trung bình, nặng.

- Năm 2025 thanh lý cà phê lô 4, vùng A1 với diện tích: 5,22 ha. Sau khi thanh lý cải tạo đất, trồng cây ngắn ngày. Quy hoạch trồng Sầu riêng sau 12 - 24 tháng cải tạo đất

V/ ĐƠN VỊ ĐỘI 5:

1- Dạng khoán có đầu tư:

a) Khu A1 + A2 trồng năm 1977, số xuất khoán: 64, diện tích: 52,67 ha.

- Năm 2023 và năm 2024 công ty chủ trương thực thu công ty: 60%, hộ nhận khoán: 40% kết quả như sau:

+ Sản lượng thực thu: 407.289 kg. Năng suất: 3.866 kg/ha.

+ Phần cứng công ty: 244.207 kg.

+ Phần công nhân: 163.082 kg.

*** Thực trạng vườn cây:**

- Cà phê với bộ giống cũ, do vườn cà phê già từ thời Pháp nay đã 48 năm, vườn cây đang xuống cấp.

- Đai chắn gió, cây che bóng trên lô (cây trồng xen) .

- Cà phê lâu năm, già, giống cũ (năng suất thấp, hạt bé), gỉ sắt.
- Đất thoái hóa . . . tuyến trùng thối rễ, vàng lá . . . các vật chết không dậm được.
- Tiêu trồng xen quá dày, lấn át cà phê.
- Đề nghị cho thanh lý. Xem xét thanh lý từng vùng/lô bắt đầu năm 2026 trở đi.

E/ Dự kiến sản lượng, chi phí, doanh thu, lợi nhuận ngành sản xuất cà phê niên vụ 2025 - 2026:

1. Diện tích: Cà phê khoán có đầu tư: 187,5 ha với sản lượng 993 tấn, năng suất bình quân: 5.296 kg/ha. Cà phê khoán gọn đơn vị đội 2 đã ký hợp đồng đến năm 2025: 14,45 ha, nộp phần cứng công ty: 36.016 kg. Tổng sản lượng dự kiến năm 2025: 1.029.016 kg
2. Chi phí cho sản xuất cà phê niên vụ 2025-2026 cụ thể như sau: tổng chi phí dự kiến phát sinh là: 10.953 triệu đồng, trong đó: Chi phí khấu hao vườn cây là 3.411,6 triệu đồng; chi phí phân bón, thuốc BVTV là 2.226 triệu đồng; chi phí thuê đất là 1.709,3 triệu đồng; chi phí tưới nước là 2.076 triệu đồng; chi phí thu hoạch là: 474,3 triệu đồng; chi phí lương BCH đội và bảo vệ hồ đập là 849 triệu đồng; chi phí khác là 207 triệu đồng.
3. Chi phí thanh toán phần 40% chia cho người nhận khoán dự kiến: $397.200 \text{ kg quả tươi} \times 25.000 \text{ đ/kg} = 9.930 \text{ triệu đồng}$ (sản lượng ước tính và giá tạm tính).
4. Chi phí quản lý, bán hàng, lãi vay phân bổ dự kiến là: 4.783 triệu đồng.
5. Doanh thu kế hoạch ngành cà phê niên vụ 2025-2026 (bao gồm phần thu mua của người nhận khoán) là: $221.000 \text{ kg nhân xô} \times 130.000 = 28.730 \text{ triệu đồng}$.
6. Lợi nhuận kế hoạch ngành cà phê dự kiến năm 2026 là: 3.064 triệu đồng.

17.
T
A
H
O
1-1

Phần 2

Kế hoạch thanh lý, chăm sóc và sản xuất các ngành dự án năm 2025

I. Thanh lý diện tích 6,06 ha cà phê già cỗi kinh doanh kém hiệu quả

- Vị trí thanh lý cụ thể như sau:

| Số TT | Đơn vị | Năm trồng | Diện tích (Ha) | Số Xuất khoán |
|-------|--------------|-----------|------------------|---------------|
| I | Đội 2 | | 0,84 | 1 |
| 1 | Lô 3 vùng 21 | | 0,84 | 1 |
| II | Đội 4 | | 5,22 | 6 |
| 1 | Lô 4 Vùng A1 | 2011 | 5,22 | 6 |
| | Tổng | | 6,06 | 7 |

- Sau khi trực nhổ cây cà phê Công ty thực hiện việc cải tạo đất để thay đổi ký chủ mầm bệnh trên đất bằng phương pháp trồng luân canh cây ngắn ngày để cho đất nghỉ từ 12-24 tháng.

- Thời gian trực nhổ cây cà phê: Từ tháng 04/2025 - tháng 05/2025.

II. Kế hoạch chăm sóc và đầu tư mới các dự án cây công nghiệp dài ngày kiến thiết cơ bản năm 2025:

1. Kế hoạch chăm sóc sâu riêng đội 1 trong năm 2025:

* Đối với vườn 5,93ha trồng năm 2022 đội 1:

- Vị trí trồng: Vùng 9,4ha đội 1. Trồng tháng 10/2022
- Mật độ trồng: 132 cây/ha, kích thước 9m x 9m.
- Tổng chi phí đã đầu tư lũy kế đến ngày 31/12/2024 là: 1.112.692.015 đồng.
- Kế hoạch chăm sóc năm 3 - 2025 là: 367 triệu đồng. Bình quân chi phí chăm sóc năm 2025 là: 61 triệu đồng/ha.

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng).

* Đối với vườn 4,07ha trồng năm 2024 đội 1:

- Vị trí trồng: Vùng 9.4 đội 1. Trồng tháng 7/2024
- Mật độ trồng: 123 cây/ha, kích thước 9m x 9m.
- Tổng chi phí đầu tư đã đầu tư lũy kế đến 31/12/2024 là: 197.251.959 đồng.
- Chi phí chăm sóc KTCB 1 năm 2025 là: 168 triệu đồng, Bình quân chi phí chăm sóc 1 ha năm 2025 là: 41 triệu.

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng).

2. Kế hoạch trồng tái canh 12,04 ha cây cà phê với

- Tổng diện tích tái canh năm 2025: 12,04 ha
- + Lô 10,11,12 khu A3 đội 4: 6,22 ha
- + Lô 14 A1 đội 5: 5,82 ha
- Mật độ trồng: 3m x 3m, 1.111 cây/ha
- Chi phí đầu tư trồng mới 12,04 ha năm 2025 là 1.067 triệu đồng; Chi phí KTCB năm thứ nhất là: 732 triệu đồng; Chi phí KTCB năm thứ 2 là: 954 triệu đồng.

- Áp dụng quy trình tái canh cải tiến theo tiêu chuẩn RA để giảm chi phí, tăng hiệu quả và tỷ lệ thành công. Tái canh sẽ sử dụng giống cà phê của WASI.

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)

3. Kế hoạch chăm sóc sầu riêng Vùng A1 đội 4 năm 2024

- Vị trí trồng: Vùng A1 đội 4. Trồng tháng 9/2022
- Diện tích đã trồng: 18,58 ha.
- Mật độ trồng: 123 cây/ha, kích thước 9m x 9m.
- Tổng chi phí đầu tư đã đầu tư lũy kế đến 31/12/2024 là: 2.411.005.964 đồng.
- Chi phí chăm sóc năm 3 – 2025 là: 1.109 triệu đồng. Bình quân chi phí chăm sóc năm 2025 là: 59,6 triệu đồng

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)

4. Kế hoạch chăm sóc 27,09ha cà phê KTCB trồng năm 2023:

- Vị trí trồng: Khu B đội 5, Vùng 36 đội 4, Vùng 21ha đội 2. Trồng tháng 7/2023.
- Mật độ trồng: 1.111 cây/ha, kích thước 3m x 3m.
- Tổng chi phí đầu tư đã đầu tư lũy kế đến 31/12/2024 là: 1.421.037.225 đồng.
- Chi phí chăm sóc KTCB 2 - 2025 là: 1.109 triệu đồng. Bình quân chi phí chăm sóc năm 2025 là: 40,9 triệu đồng

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)

5. Kế hoạch chăm sóc 18,63ha cà phê KTCB trồng năm 2024:

- Vị trí trồng: Vùng 8183 đội 1 & Vùng 36 đội 4. Trồng tháng 7/2024.
- Mật độ trồng: 1.111 cây/ha, kích thước 3m x 3m.
- Tổng chi phí đầu tư đã đầu tư lũy kế đến 31/12/2024 là: 766.009.163 đồng.
- Chi phí chăm sóc KTCB 1 - 2025 là: 820 triệu đồng. Bình quân chi phí chăm sóc năm 2025 là: 44 triệu đồng

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)

6. Kế hoạch trồng mới 40,35ha sầu riêng Vùng 40ha đội 3 năm 2025:

- Vị trí trồng: Vùng 40 đội 3. Trồng tháng 5 năm 2025
- Diện tích: 40,35 ha
- Mật độ trồng: 100 cây/ha, kích thước 10m x 10m.
- Tổng chi phí đầu tư trồng mới + chăm sóc và thiết kế hệ thống tưới năm 2025: 4.674 triệu đồng, Bình quân chi phí năm 2025 là: 115,8 triệu đồng/ha

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

1. Kế hoạch chăm sóc và kinh doanh Mít Thái - Đội 2

- Diện tích Công ty trực tiếp triển khai ở Đội 2 năm 2025 là: 12 ha = 3500 cây.
- Tổng chi phí theo dự toán là: 68 triệu đồng. trong đó, chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 13 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 29 tấn. Bình quân 2,25 tấn/ha.
- Giá thành kế hoạch là 2.703 đồng/kg.
- Giá bán dự kiến bán 6.500 đồng/kg. Tổng doanh thu: 190 triệu đồng
- Lợi nhuận kế hoạch là: 122 triệu đồng

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng).

2. Ngành sản xuất phân vi sinh năm 2025:

- Tổng diện tích: 227,55 ha (trồng 2 vụ), được phân bổ các vị trí trồng như sau:
- + Vùng 87 đội 1: 82,61 ha (vụ 1)
- + Vùng 87 đội 1: 82,61 ha (vụ 2)
- + Lô 3 vùng 21 đội 2: 0,84 ha (vụ 2)
- + Lô 1,2,3,6,7 vùng Ealup đội 3: 21,42 ha (vụ 1)
- + Lô 1,2,4,5 khu B đội 5: 21,83 ha (vụ 1)
- + Lô 7,8,9,10 khu A1: 21,33 ha (vụ 1)
- + Lô 7 khu A2: 1,01 ha (vụ 1)
- Tổng chi phí theo dự toán là: 5.945 triệu đồng. Chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 529 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch sinh khối là: 6.826 tấn. Bình quân 30 tấn sinh khối/ha. (thực tế chăm sóc tốt đạt >30 tấn)
- Giá thành kế hoạch: 793.33 đồng/kg
- Giá bán dự kiến: 900 đồng/kg. Tổng doanh thu: 6.143 triệu đồng
- Lợi nhuận kế hoạch là: 198 triệu đồng.

6. Kế hoạch trồng khoai lang

- Tổng diện tích: 5,22 ha, được trồng như sau:
- + Lô 4 Vùng A1 đội 4: 5,22 ha
- Tổng chi phí theo dự toán là: 978 triệu đồng. Chi phí phân bổ (quản lý và lãi vay) là 118 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 104 tấn. Bình quân 20 tấn/ha.
- Giá thành kế hoạch là 8.241 đồng/kg.
- Giá bán dự kiến trung bình: 10.000 đồng/kg. Tổng doanh thu: 1.044 triệu đồng
- Lợi nhuận kế hoạch là: 66 triệu đồng.

Như vậy: Tổng doanh thu kế hoạch từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 41 tỷ; tổng chi phí kế hoạch là 39,5 tỷ đồng (trong đó: chi phí giá vốn hàng bán là 39,1 tỷ đồng, chi phí quản lý kế hoạch là 5,5 tỷ đồng, chi phí lãi vay kế hoạch là 1,4 tỷ đồng). Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 1,368 tỷ đồng.


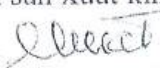
Trong năm 2025, Công ty có kế hoạch thanh lý 6,06ha cà phê kinh doanh kém hiệu quả, năng suất thấp. Thu từ việc thanh lý dự kiến 87,2 triệu đồng. Giá trị còn lại của vườn cây thanh lý là 1.499 triệu đồng. Lỗ khác dự kiến là -1.411,7 triệu đồng.

Thu nhập khác từ việc bán cây cà phê giống dự kiến đạt 102 triệu.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2025 dự kiến: -207 triệu đồng.

Nộp ngân sách kế hoạch năm 2025 là: 4.548,7 triệu đồng. Tổng đó: Tiền thuê đất là 4.382,3 triệu đồng, thuế TNCN là: 109 triệu đồng, thuế môn bài là 3 triệu đồng và thuế sử dụng đất PNN là 54,4 triệu đồng.

| STT | LÔ - VÙNG | DIỆN TÍCH (HA) | TÊN CÂY TRỒNG | THỜI GIAN TRỒNG | THỜI GIAN THU HOẠCH |
|------------|-------------------------------------|----------------|-----------------------------|-----------------|-------------------------------|
| I | Đơn vị đội 1 | 178,93 | | | |
| 1 | Vùng 81 (áp dụng S đông đặc) | 1,84 | Bắp sinh khối mùa khô - TCN | Tháng 2/2025 | Tháng 4&5/2025 |
| 2 | HL3 (áp dụng S đông đặc) | 1,03 | Bắp sinh khối mùa khô - TCN | Tháng 1/2025 | Tháng 4/2025 |
| 2 | Vùng 81 (áp dụng S đông đặc) | 2,82 | Cây đậu lạc vụ 1 | Tháng 5/2025 | Tháng 8/2025 |
| 3 | Vùng 9.4 (áp dụng S đông đặc) | 2,70 | Cây đậu lạc vụ 1 | Tháng 5/2025 | Tháng 8/2025 |
| 4 | Vùng 83 (áp dụng S đông đặc) | 3,69 | Cây đậu lạc vụ 1 | Tháng 5/2025 | Tháng 8/2025 |
| 5 | HL3 (áp dụng S đông đặc) | 1,63 | Cây đậu lạc vụ 1 | Tháng 5/2025 | Tháng 8/2025 |
| 6 | Vùng 87 | 82,61 | Cây bắp sinh khối vụ 1 | Tháng 5&6/2025 | Tháng 8&9/2025 |
| 7 | Vùng 87 | 82,61 | Cây bắp sinh khối vụ 2 | Tháng 8&9/2025 | Tháng 11&12/2025 |
| II | Đơn vị đội 2 | 1,68 | | | |
| 1 | Vùng 21 - Lô 3 | 0,84 | Cây bắp sinh khối vụ 1 | Tháng 8/2025 | Tháng 11/2025 |
| 2 | Vùng 21 - Lô 3 | 0,84 | Cây đậu lạc | Tháng 5/2025 | Tháng 8/2025 |
| III | Đơn vị đội 3 | 111,19 | | | |
| 1 | Vùng 40 | 40,35 | Cây Sầu riêng | Tháng 6/2025 | Tháng 9/2029 |
| 2 | Vùng 40 (áp dụng S đông đặc) | 28 | Cây Ớt chỉ thiên | Tháng 6/2025 | Tháng 9/2025- Tháng 5/2026 |
| 3 | Lô 1,2,3,6,7 Vùng Ealup | 13,49 | Cây bắp sinh khối vụ 1 | Tháng 6/2025 | Tháng 9/2025 |
| 4 | Lô 1 vùng EaLup | 7,93 | Cây bắp giống vụ 1 | Tháng 5/2025 | Tháng 9/2025 |
| 5 | Lô 1,2,3,6,7 Vùng Ealup | 21,42 | Cây đậu nành vụ 2 | Tháng 9/2025 | Tháng 12/2025 |
| IV | Đơn vị đội 4 | 20,17 | | | |
| 1 | Lô 3 Vùng 36 (áp dụng S đông đặc) | 2,0 | Bắp sinh khối mùa khô - TCN | Tháng 1/2025 | Tháng 4/2025 |
| 2 | Lô 3 Vùng 36 (áp dụng S đông đặc) | 3,0 | Cây đậu lạc vụ 1 | Tháng 5/2025 | Tháng 8/2025 |
| 3 | Lô 4 A1 | 5,22 | Cây khoai lang Nhật | Tháng 5/2025 | Tháng 11&12/2025 |
| 4 | Khu A3 (Lô 10,11,12) | 6,22 | Tái canh cây cà phê | Tháng 7/2025 | Tháng 12/2027 |
| 5 | Khu A3 (Lô 10,11,12) | 3,73 | Cây đậu lạc vụ 2 | Tháng 7/2025 | Tháng 10&11/2025 |
| V | Đơn vị đội 5 | 97,64 | | | |
| 1 | Lô 1,2,4,5 khu B | 21,83 | Cây bắp sinh khối vụ 1 | Tháng 5&6/2025 | Tháng 8&9/2025 |
| 2 | Lô 1,2,4,5 khu B | 21,83 | Cây đậu nành vụ 2 | Tháng 8&9/2025 | Tháng 11&12/2025 |
| 3 | Lô 7,8,9,10 vùng A1 | 21,33 | Cây bắp sinh khối vụ 1 | Tháng 5&6/2025 | Tháng 8&9/2025 |
| 4 | Lô 7,8,9,10 vùng A1 | 21,33 | Cây đậu nành vụ 2 | Tháng 8&9/2025 | Tháng 11&12/2025 |
| 5 | Lô 14 vùng A1 | 5,82 | Tái canh cây cà phê | Tháng 7/2025 | Tháng 12/2027 |
| 6 | Lô 14 vùng A1 (áp dụng S đông đặc) | 3,50 | Cây đậu lạc vụ 2 | Tháng 8/2025 | Tháng 11&12/2025 |
| 7 | Lô 7 vùng A2 | 1,01 | Cây bắp sinh khối vụ 1 | Tháng 5/2025 | Tháng 8/2025 |
| 8 | Lô 7 khu A2 | 1,01 | Cây đậu nành vụ 2 | Tháng 8/2025 | Tháng 11/2025 |
| | Tổng cộng | 409,62 | | | |

Trên đây là toàn văn nội dung kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Kính Đại
hội đồng cổ đông xem xét thông qua.  

Xin trân trọng cảm ơn/.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH HĐQT

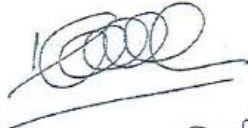
Ngô Văn Hùng

DỰ THẢO

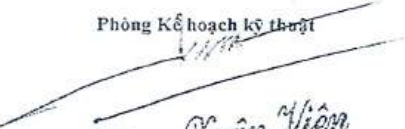
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH THEO NGÀNH NĂM 2025

| TT | Mục - ngành | ĐVT | Ngành liên quan đến chi phí đề xuất năm 2024 | | | | | | | Hợp tác kinh doanh địa phương năng lượng | Trùng mỗi năm 2025 | | | | | | Tổng |
|-----|--|------------|--|-------------------------------------|--------------------|---------------|-------------|-------------|------------------|--|--------------------|--------------------|---------------|---------------|-----------------|---------------|----------------|
| | | | Cà phê nhân công ty | Cà phê thu mua của người nhận khoán | Ngành chăn nuôi bò | Bấp sinh khối | Đậu lạc | Đậu nành | Mức thuế đa xanh | | Bấp sinh khối | Bấp giống liên kết | Đậu lạc | Ớt Chỉ thiên | Khoai lang Nhật | Đậu nành | |
| I | Doanh thu SXKD | Đ | 15.210.244.075 | 6.608.832.556 | 1.310.675.000 | 769.837.609 | 237.273.000 | 191.920.000 | 190.000.000 | 1.800.000.000 | 6.143.850.000 | 394.914.000 | 1.316.400.000 | 3.000.000.000 | 1.044.000.000 | 2.007.054.000 | 40.925.700.230 |
| 1 | Số lượng tiêu thụ | Kg nhân số | 109.731 | 45.578 | 20.403 | 836.780.00 | 14.931.00 | 9.596.00 | | 12 | 6.826.500.00 | 47.580.00 | 87.760.00 | 120.000.00 | 104.400.00 | 111.503.00 | |
| 2 | Diện tích | Ha | 208,01 | | | 30,27 | 6,10 | 10,60 | 12,04 | | 227,55 | 7,93 | 21,94 | 28,00 | 5,22 | 65,59 | |
| 3 | Năng suất bình quân | Kg/ha | 527,53 | | | 27.643,87 | 1.860,00 | 905,28 | 0,00 | | 30.000,00 | 6.000,00 | 4.800,00 | 18.000,00 | 20.000,00 | 1.700,00 | |
| 4 | Giá bán bình quân | Đ/kg nhân | 145.000,00 | 145.000,00 | 64.240,90 | 920,00 | 15.891,30 | 20.000,00 | | 150.000.000 | 500 | 8.300,00 | 15.000,00 | 25.000,00 | 10.000,00 | 18.000,00 | |
| II | Chi phí | | 15.872.753.156 | 6.810.046.179 | 2.694.769.754 | 480.170.195 | 164.917.176 | 187.935.079 | 67.243.650 | 971.923.075 | 5.945.376.467 | 311.660.510 | 854.984.219 | 2.554.519.704 | 978.395.842 | 1.662.905.621 | 39.557.600.826 |
| 1 | Giá vốn hàng bán | Đồng | 12.217.282.438 | 5.081.611.103 | 2.204.109.045 | 433.834.146 | 148.801.134 | 172.827.452 | 55.000.000 | 705.181.196 | 5.415.680.000 | 283.894.000 | 775.632.621 | 2.113.333.333 | 860.380.021 | 1.508.570.000 | 32.576.147.488 |
| - | Giá vốn BQ (*) | Đồng nhân | 111.338,84 | 124.656,45 | 108.031,32 | 518,46 | 9.865,92 | 18.010,36 | | | 792,33 | 5.966,67 | 8.838,11 | 17.611,11 | 8.241,19 | 13.229,41 | |
| - | Suất đầu tư bình quân 1 ha | Đồng/ha | 58.734.116 | | | 14.332.149 | 24.393.629 | 16.304.477 | 4.368.106 | | 23.800.000 | 33.800.000 | 35.352.444 | 317.000.000 | 164.823.759 | 23.000.000 | |
| 2 | Chi phí hao hụt | Đồng | 0 | 0 | | | | | | | | | | | | | 0 |
| 3 | Chi phí bán hàng | Đồng | | | | | | | | | | | | | 42.000.000 | | |
| 4 | Chi phí quản lý | Đồng | 2.922.432.712 | 957.980.742 | 371.638.820 | 36.574.781 | 12.544.814 | 10.929.708 | 9.273.650 | 118.901.879 | 456.574.652 | 23.933.941 | 65.290.411 | 285.066.370 | 87.042.141 | 127.181.361 | 5.485.502.043 |
| 5 | Chi phí lãi vay | Đồng | 733.037.006 | 170.448.333 | 119.021.888 | 9.761.268 | 3.571.227 | 4.147.859 | 2.970.000 | 147.840.000 | 72.111.815 | 3.832.569 | 13.961.387 | 114.120.000 | 30.973.681 | 27.154.240 | 1.453.951.294 |
| - | Giá bán bình quân | Đ/kg nhân | 144.631,96 | 149.414,69 | 132.080,37 | 373,83 | 11.043,29 | 19.584,75 | | | 870,93 | 6.550,24 | 9.742,30 | 21.287,66 | 9.371,61 | | |
| III | Lợi nhuận từ SXKD | | 38.190.919 | (201.213.623) | (1.384.094.754) | 289.667.405 | 72.355.824 | 3.984.921 | 122.756.350 | 828.076.925 | 198.473.533 | 83.253.490 | 361.415.581 | 445.480.296 | 65.604.158 | 344.148.379 | 1.368.099.405 |
| IV | Tỷ suất lợi nhuận/vốn | % | 0,24 | (2,95) | (51,36) | 60,33 | 43,87 | 2,12 | 182,55 | 85,20 | 3,34 | 26,71 | 53,97 | 17,44 | 6,71 | | 3,46 |
| IV | Thu nhập khác | Đồng | | | | | | | | | | | | | | | 189.296.364 |
| 1 | Thu từ việc bán cà phê thành lý | Đồng | | | | | | | | | | | | | | | 87.296.364 |
| 2 | Bán cây cà phê giống | Đồng | | | | | | | | | | | | | | | 102.000.000 |
| 3 | | Đồng | | | | | | | | | | | | | | | |
| V | LN tự hoạt động tài chính | Đồng | | | | | | | | | | | | | | | |
| K | Chi phí khác | Đồng | | | | | | | | | | | | | | | 1.765.158.630 |
| | Thanh lý cà phê tại Vùng A1 đối 4 và Vùng 21 đối 2 | Đồng | | | | | | | | | | | | | | | 1.403.525.473 |
| | Thanh lý Tắc | Đồng | | | | | | | | | | | | | | | 33.900.502 |
| | Chi phí tiền thuê đất vùng dân cư canh tác | Đồng | | | | | | | | | | | | | | | 265.732.652 |
| VII | Lợi nhuận trước thuế | | | | | | | | | | | | | | | | -207.762.861 |

Phòng Kế toán


Hoàng Thị Thanh Huyền

Phòng Kế hoạch kỹ thuật


Đặng Xuân Viên

Ban Giám đốc


PHÓ GIÁM ĐỐC
Huỳnh Lương Phước

Ngày 10 tháng 04 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị




Ngô Văn Hùng

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH DÒNG TIỀN THU CHI NĂM 2025

| STT | Tên ngành/dự án cây trồng | Diện tích | Tổng chi phí đầu tư năm 2025 | | | | | Nguồn thu trong năm 2025 | | | Cân đối thu - chi 2025 | Thu trong năm 2026 | | |
|-----|----------------------------------|-----------|-------------------------------|---------------|---------------|-----------------|----------------|--------------------------|------------|----------------|------------------------|--------------------|---------|----------------|
| | | | Tổng chi phí đầu tư trực tiếp | Lãi vay | Thuế đất | Quản lý phân bổ | Tổng chi | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | Cà phê giai đoạn KTCB | 45,63 | 2.233.541.450 | 174.270.731 | 245.680.402 | | 2.653.492.582 | 80.000 | 20.000 | 1.600.000.000 | -1.053.492.582 | | | |
| 2 | Sầu riêng giai đoạn KTCB | 28,58 | 1.429.056.500 | 102.490.689 | 154.332.000 | 113.878.544 | 1.799.757.733 | | | | -1.799.757.733 | | | |
| 3 | Cà phê kinh doanh | 208,01 | 13.831.556.999 | 903.485.339 | 1.654.253.196 | 3.880.419.456 | 20.269.714.989 | 155.309 | 135.000 | 20.966.688.587 | 164.409.548 | 221.294 | 130.000 | 28.768.189.247 |
| 5 | Chi phí chế biến làm hàng cà phê | | 429.411.814 | | 103.152.236 | | 532.564.049 | | | | | | | |
| 6 | Sầu riêng trồng mới | 40,35 | 3.909.084.830 | 261.810.195 | 108.945.000 | | 4.279.840.025 | | | | -4.279.840.025 | | | |
| 7 | Cà phê trồng mới | 12,04 | 1.026.264.480 | 23.561.167 | 64.825.598 | | 1.114.651.245 | | | | -1.114.651.245 | | | |
| 8 | Ôt xen sầu riêng | 28 | 6.515.788.000 | 114.120.000 | 108.945.000 | 285.066.370 | 7.023.919.370 | 120.000 | 25.000 | 3.000.000.000 | -4.023.919.370 | 384.000 | 25.000 | 9.600.000.000 |
| 9 | Bắp, đậu trồng năm 24 thu năm 25 | | 78.256.700 | 17.480.354 | | 60.079.363 | 155.816.417 | | | 1.199.030.600 | 1.043.214.183 | | | |
| 10 | Bắp sinh khối vụ 1 | 140,27 | 2.884.025.367 | 45.840.311 | 378.270.708 | 286.267.327 | 3.594.403.713 | 4.208.100 | 900 | 3.787.290.000 | 192.886.287 | | | |
| 10 | Bắp sinh khối vụ 2 | 83,45 | 1.834.740.045 | 27.271.504 | 225.042.351 | 170.307.325 | 2.257.361.226 | 2.503.500 | 900 | 2.253.150.000 | -4.211.226 | | | |
| 11 | Đậu nành | 65,59 | 1.200.297.000 | | 176.878.704 | | 1.377.175.704 | 111.503 | 18.000 | 2.007.054.000 | 629.878.296 | | | |
| 12 | Thanh lý cà phê | 6,06 | 22.725.000 | | | | 22.725.000 | 6,06 | 16.000.000 | 96.960.000 | 74.235.000 | | | |
| 13 | Khoai lang | 5,22 | 770.411.746 | 30.973.681 | 28.153.890 | 87.042.141 | 916.581.457 | 104.400 | 10.000 | 1.044.000.000 | 127.418.543 | | | |
| 14 | Đậu lạc | 21,94 | 632.537.879 | 13.961.387 | 59.166.317 | 65.390.411 | 771.055.994 | 87.760 | 15.000 | 1.316.400.000 | 545.344.006 | | | |
| 15 | Mít Thái | 5,55 | 55.000.000 | | | | 55.000.000 | | | 60.000.000 | 5.000.000 | | | |
| 16 | Hợp tác mít | 6,49 | | 2.970.000 | 52.800.000 | 9.273.650 | 65.043.650 | | | 209.500.000 | 144.456.350 | | | |
| 17 | Hợp tác diện năng lượng | | | 147.840.000 | | 118.901.879 | 266.741.879 | | | 600.000.000 | 333.258.121 | | | |
| 18 | Chăn nuôi bò (con) | 158 con | 1.094.709.936 | 119.021.888 | 70.093.850 | 371.638.820 | 1.655.464.494 | 20.403 | 64.241 | 1.310.675.000 | -344.789.494 | | | |
| 19 | Chăn nuôi giun | | 184.360.000 | | | | 184.360.000 | | | 0 | -184.360.000 | | | |
| 20 | Trả nợ vay | | 14.430.000.000 | | | | 14.430.000.000 | | | 17.300.000.000 | 2.870.000.000 | | | |
| 21 | | | | | | | 0 | | | 0 | 0 | | | |
| | | | 52.561.767.744 | 1.985.097.247 | 3.430.539.252 | 5.448.265.285 | 63.425.669.529 | 7.390.980 | 16.289.041 | 56.750.748.187 | -6.674.921.342 | | | 38.368.189.247 |

Phòng Kế toán

Phòng KHKT

Kiểm soát

Ngày 10 tháng 04 năm 2025

Phê duyệt

CHỦ TỊCH HĐQT



Ngô Văn Hùng

Hương Thị Thanh Huyền

Đặng Xuân Viên

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ EA PỐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/TB-EPC

CưM'gar, ngày 18 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 –
Công ty cổ phần cà phê Ea Pốk.**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp-số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Ea Pốk;

Căn cứ vào Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần cà phê Ea Pốk kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc báo cáo chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả tiền lương thù lao HĐQT, BKS trong năm 2024. Cụ thể như sau:

I. Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024:

| TT | Họ và tên | Thù lao (đồng) | Tiền lương (đồng) | Phụ cấp khác | Tổng cộng | |
|----|--------------------|-------------------|----------------------|-----------------|-------------|---------------------------|
| | | | | | Năm 2024 | Bình quân (đồng/tháng) |
| I | Hội đồng quản trị | 192.000.000 | 338.239.718 | 5.055.600 | 535.295.318 | |
| 1 | Ngô Văn Hùng | 108.000.000 | 240.000.000 | | 348.000.000 | 29.000.000 |
| 2 | Huỳnh Thị Thu Thủy | 42.000.000 | 98.239.718 | 5.055.600 | 145.295.318 | 12.107.943 |
| 3 | Nguyễn Văn Dương | 42.000.000 | | | 42.000.000 | 3.500.000 |
| II | Ban Kiểm soát | 60.000.000 | 110.471.199 | 8.944.800 | 179.415.999 | |
| 1 | Trần Thị Bích Ngọc | 36.000.000 | | | 36.000.000 | 3.000.000 |
| 2 | Phùng Thị Diễm | 12.000.000 | | | 12.000.000 | 1.000.000 |
| 3 | Nguyễn Thị Thúy | 12.000.000 | 110.471.199 | 8.944.800 | 131.415.999 | 10.951.333 |
| | Tổng cộng | 252.000.000 | 448.710.917 | 14.000.400 | 714.711.317 | |

II. Xây dựng kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025 như sau:

| TT | Họ và tên | Thù lao/tháng | Thù lao/năm | Tiền lương và Phụ cấp khác Đồng/tháng |
|-----------|--------------------------|-------------------|--------------------|---|
| I | Hội đồng quản trị | 17.000.000 | 192.000.000 | |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 9.000.000 | 108.000.000 | 10.000.000 đ/tháng |
| 2 | Thành viên HĐQT | 3.500.000 | 42.000.000 | Theo thang bảng lương do công ty xây dựng |
| 3 | Thành viên HĐQT | 3.500.000 | 42.000.000 | Theo thang bảng lương do công ty xây dựng |
| II | Ban Kiểm soát | 5.000.000 | 60.000.000 | |
| 1 | Trưởng ban kiểm soát | 3.000.000 | 36.000.000 | Theo thang bảng lương do công ty xây dựng |
| 2 | Thành viên BKS | 1.000.000 | 12.000.000 | Theo thang bảng lương do công ty xây dựng |
| 3 | Thành viên BKS | 1.000.000 | 12.000.000 | Theo thang bảng lương do công ty xây dựng |
| | Tổng cộng | 22.000.000 | 252.000.000 | |

Thực hiện áp dụng thực hiện: từ tháng 5/2025 đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Thù lao của HĐQT và BKS được chi trả hàng tháng theo quy định về chi trả lương cho cán bộ nhân viên công ty và quyết toán vào cuối năm tài chính;

Tiền lương và các khoản phụ cấp của Thành viên HĐQT/thành viên BKS thực hiện theo thang/bảng lương do công ty xây dựng tại Quyết định số 20A/QĐ-CT ngày 10/01/2019;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Ea Pôk xem xét, cho ý kiến và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Ngô Văn Hùng

Số: 34 /2025/TT-HĐQT

Cư M'gar, ngày 11 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Hủy tư cách Công ty đại chúng)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PỐK

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Ea Pốk.

Căn cứ điểm a Khoản 1 điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 ngày 26/11/2019 Công ty đại chúng là Công ty Cổ phần thuộc trường hợp: “ Công ty có vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ”

Tại ngày 26/3/2025, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã chốt danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông là: 234 cổ đông;
- Cổ đông lớn là tổ chức: 1 cổ đông chiếm 32,19%
- Cổ đông lớn là cá nhân: 3 cổ đông chiếm 61,92%
- Cổ đông nhỏ: 230 cổ đông chiếm 5,89 %

Theo đó, hiện tại Công ty Cổ phần Cà phê Ea Pốk không đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định nêu trên. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc hủy tư cách công ty đại chúng.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



NGÔ VĂN HÙNG